

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/8/2020.

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2020, giữa:

- Nguyên đơn: **Anh Đào Văn H, sinh ngày 07/12/1993.**

Địa chỉ: Đội 1, thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 05/10/1997.**

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Đội 1, thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang làm việc tại Đảo Síp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Đào Văn H trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ anh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ngày 15/9/2017 chị L sinh con, khi sinh con được 01 tháng thì anh xảy ra tai nạn, chị L nghe bố mẹ bế con về bố mẹ để ở không quan tâm đến anh. Thời gian đó anh và mẹ anh có đến nhà để nói chuyện với thông gia và chị L để đón chị L về nhưng ông bà thông gia không đồng ý chị L

cũng không đồng ý quay về với anh. Khi con được 06 tháng tuổi anh cũng đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân huyện K nhưng Tòa trả lời anh chưa đủ điều kiện xin ly hôn vì con dưới 01 tuổi. Tháng 5/2018 chị L đi lao động tại đảo Síp, từ khi chị L đi không liên lạc gì với anh. Anh gọi điện khuyên chị L về nhưng chị L không về. Đến nay anh nhận thấy hôn nhân giữa anh và chị L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Bảo Ph, sinh ngày 15/9/2017, hiện nay đang sống cùng anh, Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi con không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc, anh H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Nguyễn Thị L tại đảo Síp. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ chị L, bà H1 xác nhận chị L vẫn thỉnh thoảng liên lạc về nhà. Tòa án yêu cầu bà Hòa cung cấp địa chỉ của chị L ở đảo Síp và yêu cầu chị L gửi văn bản trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H, nhưng bà H1 không cung cấp được địa chỉ của chị L, chị L cũng không có văn bản gửi về. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà H1, đồng thời tiến hành niêm yết các bản bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà H1 xác định đã thông tin cho chị L biết, chị L có quan điểm nhất trí ly hôn với anh H và nhất trí giao con cho anh H nuôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán.

- Về thụ lý vụ án: Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

- Về thu thập chứng cứ: Việc giao nộp thu thập chứng cứ được thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 96, 97, 98 BLTTDS năm 2015. Tòa án thu thập chứng cứ vận dụng giải quyết theo tinh thần công văn 253 của Tòa án nhân dân Tối cao.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời gian xét xử chưa đảm bảo quy định về thời hạn giải quyết vụ án. Thời hạn giao hồ sơ cho VKS nghiên cứu đảm bảo đúng quy định.

- Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho VKS vf cấp, tổng đạt cho đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.\

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Trong quá trình giải quyết nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015.

* Về hướng giải quyết vụ án:

Anh H và chị L tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước

có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, chị Lê về bố mẹ đẻ ở từ tháng 11/2017 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay và không liên lạc với nhau. Tình cảm vợ chồng đã hết nên anh xin ly hôn. Bị đơn là chị L không có lời khai thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn (anh H) và gia đình chị L hiện không cung cấp được địa chỉ của bị đơn để Tòa án tiến hành tổng đạt cho bị đơn theo quy định.

Vụ án thụ lý ngày 13/5/2020, Tòa án mở phiên tòa vào ngày 27/7/2020 là chưa đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án (từ 9-12 tháng) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 476 BLTTDS. Do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án như đã nêu trên nên VKS ND tỉnh Hải Dương đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để tiếp tục xác minh thu thập địa chỉ của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị L tại đảo Síp. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án đã hai lần yêu cầu gia đình chị L cung cấp địa chỉ, cũng như thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị L biết để gửi lời khai về cho Tòa án, nhưng gia đình không cung cấp được và không thực hiện yêu cầu của Tòa án, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Nên áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Lê vắng mặt lần thứ hai. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị L.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đào Văn H và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2016, do vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Tháng 9/2017 chị L sinh con đến tháng 11/2017 chị L về sống với bố mẹ đẻ. Tháng 4/2018 đi lao động tại Đảo Síp. Trong thời gian đó chị L không có liên lạc với anh H, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Về phía chị L cũng đã được gia đình cho biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo đơn xin ly hôn của

anh H. Chị L cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân được gần 3 năm nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Bảo Ph, sinh ngày 15/9/2017, hiện nay anh H đang trực tiếp nuôi dưỡng con. Ly hôn anh H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng. Chị L cũng nhất trí với quan điểm của anh H. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin được nuôi con của anh H. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Văn H được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung Đào Bảo Ph, sinh ngày 15/9/2017 cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con;

Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đào Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002652 ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Đào Văn H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đào Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã C, huyện
K, tỉnh Hải Dương
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiện